

Trong sách Tượng khí Tiêu, quyển 18 có chép rằng: Ngài Vân Chương nói:



- Hình của Bảng giống như đám mây, nên người ta cũng gọi là Vân bảng. Còn theo lão Hòa thượng Tục Sư có thuật chuyện vua Tống thái Tổ cho rằng: Tiếng trống hay làm giật mình người ngủ, nên thay vì dùng trống, Tống thái Tổ chế ra thiết khánh. Loại khánh này cũng được gọi là Vân bảng. Vì hình của nó cũng giống như hình cánh dơi trên bề lưng lẫn bề mặt có đám mây qua lại, loại này có nơi gọi là chinh (chiêng).

Cách chế tác và sử dụng: Theo ngài Vân Chương trong sách Tượng khí tiêu thì hình của Bảng giống như đám mây và làm bằng đồng, thiết. Nhưng nay ở các tông lâm, tự viện thì dùng bằng gỗ và được chạm trổ theo hình bán kính bát giác. Bề cao khoảng chừng bốn tấc tây, rộng chừng hai tấc tây. Bảng cũng được thay thế cho trống trong những trường hợp nói trên, đồng thời cũng dùng để phân phát đồ cúng dường hay phân xử việc của chúng Tăng... Bảng và Khánh trong luật được gọi là Kiền Chùy Thành. Cách dùng không khác nhau, chỉ khác nhau về hình tượng và vật liệu chế tác. Ngày xưa thiết và đồng còn khan hiếm nên chư tổ đã dùng bằng đá cẩm thạch. Tiếng kêu cũng tương tự



như khánh đồng, nhưng nhỏ tiếng hơn. Ngày nay các tông lâm lại ít dùng khánh mà chỉ dùng bảng nhiều hơn.



5/ LINH:

Linh là một pháp khí làm bằng đồng thau hay đồng đỏ, dùng để gõ hoặc rung lên khi tụng kinh trước Phật đài. Linh có hai loại:



A- Hình giống như cái bát. Mặt tông gọi là Bát Vàng, là loại Thiên tông sử dụng sớm nhất

B- Hình giống như cái chuông nhỏ, bên trong có buộc một viên đồng, có cán có lưỡi, rung lên thì kêu vang. Cán của nó hình từ 1 đến 5 vòng gọi là Linh Chử. Là một loại pháp khí thường sử dụng để chấn khai địa ngục trong trai đàn chẩn tế và giữ nhịp trường canh trong các buổi tụng kinh. Loại này có tên là Kim Cương Linh. Khi sử dụng có hai cái: một âm và một dương.

6/ KHÁNH DẪN:

Hình tròn như cái chén nhỏ, có cán để cầm và dùi để đánh. Thường dùng để thỉnh sư, dẫn chúng niệm Phật kinh hành và giữ nhịp trường canh lúc mới bắt đầu làm lễ.



7/ TANG:

Là một pháp khí làm bằng đồng thau, hình tròn, nhỏ bằng cái chén ăn cơm, sâu khoảng 1.50 cm đến 2 cm; phỏng theo hình dáng cái phèn la, buộc thông vào một vành tròn có cán để cầm bằng 3 sợi dây ở 3 góc đều nhau, dùng một cái dùi bằng tre uốn cong 90 độ để đánh lên khi tán tụng, tang thường thấy sử dụng ở miền trung Việt Nam (Huế).



7/ ĐẤU:



Hình thể hoàn toàn giống như Tang, nhưng không có cán cầm, mà chỉ nắm trong lòng bàn tay, cái dùi để đánh hình dáng như một chiếc đĩa. Thường sử dụng 2 cái: một âm (trâm), một dương (bông). Loại này thường thấy ở các tỉnh phía nam Trung phần (Bình Định trở vào) và Nam phần Việt Nam.

8/ PHÁP LOA:

Thường gọi là Tù Và làm bằng loại vỏ ốc lớn, phiên âm từ tiếng Phạn là Thương Khu dịch nghĩa là Kha Bôi (vỏ con Kha nói tắt của chữ Sankha) tức là vỏ ốc, vỏ sò. Tiếng thổi vào vỏ ốc vang đi rất xa, lấy đó để ví với tiếng thuyết pháp của Đức Phật vang xa bao trùm khắp đại chúng, tiếng thổi vỏ ốc nghe mạnh mẽ, biểu hiệu



sự hùng mạnh của đại pháp. Thế tục dùng vỏ ốc thổi làm hiệu lệnh ba quân, cũng ví như lời thuyết pháp của Đức Phật có sức mạnh hàng phục ma quỷ. Còn như nghi thức thổi vỏ ốc trong Phật sự; Theo Mật Tông giải thích: vỏ ốc có hình Tam Muội Da của Đức Vô Lượng Âm Phật Đỉnh Tôn là chân mục pháp âm của Đức Phật, nghe tiếng thổi vào vỏ ốc thì Thiên Thần, Chư Thiên đều hoan hỉ mà hưởng ứng, người thế tục nghe tiếng ốc thì diệt trừ được các tội chướng. Do đó trong hình Đức Phật Quan Âm nghìn cánh tay, có một tay cầm Pháp Loa.

Tại các chùa ở Huế-Việt Nam thấy còn sử dụng Pháp Loa (Tù Và: vỏ ốc) vào các tang lễ của quý vị Hòa Thượng, Thượng Tọa, Trú Trì...

Phật giáo Tây Tạng thường dùng Pháp Loa khi hành lễ.

9/ KHÁNH:



Khánh làm bằng đá, có giá hoặc dây treo, dùng để báo hiệu lệnh trong chùa, hiện tại vẫn còn sử dụng tại các chùa ở Việt Nam.

10/ MỘC BẢN:



Làm bằng một miếng gỗ, dùng dùi đánh phát ra tiếng để thông báo giờ giấc. Thường treo ở phòng ăn của các chùa

II/ Pháp khí dành riêng cho Chủ Sám và Chứng Minh.

1/ THỦ XÍCH:

Là một thanh gỗ hình khối chữ nhật, kích thước vừa nằm dưới ba ngón tay giữa của lòng bàn tay. Trên lưng Thủ Xích có khắc 3 chữ “Án, Dạ, Hồng” theo tự dạng Pali, dùng để vỗ xuống bàn kinh, thành một hiệu lệnh cho đạo tràng.



2/ THỦ LƯ:



Là một cái lư hương có cán để cầm tay, tiếng đời nhà Đường gọi là Thủ lô. Thích Thị Yếu Lâm quyển trung ghi: “sách Pháp Uyển: Thiên Nhân Hoàng Quỳnh nói về lư hương của Đức Phật Ca Diếp đại để như sau: Phía trước có 16 con sư tử và

vôi trắng, trên đầu hai loại thú đó nổi lên hai đài sen làm lư. Phía sau có sư tử ngồi, trên đỉnh có 9 con rồng quấn nâng hoa vàng, hoa đỏ để làm lư. Trong có Kim Đài Bảo Tử để đựng hương lúc Phật thuyết pháp thường cầm lư này. So sánh xem xét cách chế tác Thủ Lư đời nay cũng có phần mô phỏng theo phép đó. Trong nghi lễ Phật Giáo Việt Nam, Thủ Lư thường thấy xử dụng trong trai đàn chẩn tế.



3/ TÍCH TRƯỢNG:

Tích Trượng là một trong 18 món đồ vật của Nhà Sư, còn được mang nhiều tên khác nhau như: Thanh Trượng, Minh Trượng, Trí Trượng, Đức Trượng...là một cây gậy, ở đầu gậy có những vòng thiếc, khi rung phát ra tiếng.

Xuất xứ: Theo kinh Tích trượng có chép: Nay các Tỳ Kheo, các người nên thọ trì tích trượng, vì rằng tích trượng là một pháp khí mà ở đời các Như Lai đã có thọ trì.

Ý nghĩa: Tiếng Phạn gọi là Khiết khí la. Tàu dịch là Tích trượng, tức là cái gậy của các vị Tỳ kheo dùng để đi đường hay đi khất thực.

Tích trượng còn có tên là Đức trượng, nghĩa là chiếc gậy trí huệ và đức độ này mà người xuất gia học đạo giải thoát được vững tiến và hướng đến quả vị giải thoát. Trong kinh Tích trượng có chép:

Ngài Ca Diếp bạch Phật:

Bạch đức Thế Tôn, thế nào gọi là tích trượng? Đức Phật dạy các ý nghĩa sau đây:

- Tích có nghĩa là Khinh, có nghĩa là nhờ chiếc gậy đức hạnh và trí tuệ này mà phiền não được nhẹ đi và sớm ra khỏi cảnh sanh tử luân hồi.

- Tích cũng có nghĩa là Minh, nghĩa là được trí huệ sáng suốt, là hết khổ não.

Đường kính của chiếc tích trượng thì vừa đủ cho vòng tay của người sử dụng. Cũng còn được gọi với những tên: Thịnh trượng hay Minh trượng. Vì, trong khi đến nhà ai, vị sa môn cần gõ tích trượng xuống đất để người trong nhà biết. Trên đầu tích trượng có bốn cái gong và 12 cái vòng. Đó là biểu tượng cho tứ diệu đế và thập nhị nhân duyên., buộc các tỳ kheo luôn luôn phải nhớ nghĩ, luôn luôn phải thực hành. Ngoài ra còn có loại tích trượng trên đầu chỉ có hai cái vòng và sáu cái khâu, thì nó tượng trưng cho chơn đế, tục đế và lục độ. Tích trượng này do đức Phật Ca Diếp chế ra. Tất cả hai loại tích trượng ấy đều không cao quá đầu người.



Tích rằng: Hiền Giáo dùng gậy khi khát thực và đuổi trùng thú. Tì Nại Da Tạp Sự quyển 34 nói: “Bật Sô đi khát thực vào nhà ai, bèn lên tiếng gọi báo cho biết và nắm tay gõ vào cửa, người nhà lấy làm lạ hỏi: “Tại sao lại gõ cửa nhà tôi?” Nhà Sư im lặng chẳng nói. Đức Phật bảo: “Đừng gõ cửa, mà nên làm cây gậy Tích Trượng”; Nhà Sư không hiểu, Đức Phật nói: “Ở đầu cây gậy có gắn những vòng nhỏ bằng cái chén, khi rung gậy thì phát ra âm thanh để báo cho biết”. Khi đến nhà nào không có lòng tin, rung mãi cây Tích Trượng đến phát mệt, mà nhà ấy không ai ra hỏi, thì Đức Phật bảo: “Không nên rung lâu cây Tích Trượng, chỉ nên rung 2 hay 3 lần mà thôi, nếu không có người ra hỏi, thì nên đi nơi khác”. Cách làm gậy thì y theo Tích Trượng Kinh.

Tích Trượng của Đức Phật Ca Diếp có 2 gong và 12 vòng tượng trưng cho 2 đế thứ nhất và thứ hai là Thế Đế và Thập Nhị Nhân Duyên. Tích Trượng của Đức Phật Thích Ca có 4 gong và 12 vòng tượng trưng cho Tứ Đế và Thập Nhị Nhân Duyên. Mật Giáo thì cho đó là cây Thập Pháp Giới do 5 Đại tạo thành, là Tam Muội Da của Đức Địa Tạng, Quan Âm, nên có 6 vòng tượng trưng cho 6 Đại. Trên đầu gậy có 5 bánh xe hình tròn tượng trưng cho Bảo Tháp. Phật Giáo Việt Nam thấy sử dụng Tích Trượng trong các lễ: Giải Oan Bạt Độ, Tang Lễ theo ý nghĩa của Mật Giáo.

Các tích trượng của Bà la môn thì có bảy mắt và có ba bậc: sơ, trung và thượng. Theo phái Bà la môn thì cái gì cũng ở trong số bảy: * Bảy bậc tu, bảy quả đức, bảy sức linh.



Bảy bậc tu gồm:

- Tu tại gia,
- Tu vái các thần thánh thông thường,
- Tu biết biến hóa,
- Tu biết thần biến, linh thiêng,
- Tu cần thần thánh, không mặc quần áo,
- Tu thiền định,
- Tu bậc thượng, làm thầy cả các phép tu trên, là vì nối gót đại diện cho đức Phạm thiên.

Ngày xưa ở Ấn độ, họ thường quan trọng con số bảy, họ cho là huyền vi đến với con người. Cái gì họ cũng dùng và nghĩ đến số bảy như:

- Bảy vị tiên (Sapta-Rchirs),

- Bảy cảnh tiên (Sapta-Poura),
- Bảy hòn đảo tiên (Sapta-Douita),
- Bảy biển (Sapta-Samudra),
- Bảy sông linh (Sapta- Nady),
- Bảy núi linh (Sapta-Pariatta),
- Bảy chúng (Sapta-Coula),
- Bảy cảnh giới từ hạ đến thượng (Sapta-Loça),
- Bảy loại gồm cả trời đất thần thánh như: Jyus, Naranari, Viradji, Brahma, Vischnou-Siva

Riêng trong Phật giáo, ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát đã dùng tích trượng để đi vào địa ngục hướng dẫn cho thập loại chúng sanh đang bị đọa trong các cõi ấy được hiểu rõ chánh pháp, được giải thoát lên các cảnh giới sung sướng hơn hay trực chỉ đến cảnh giới ngộ thành Phật. Mỗi khi ngài vào trong địa ngục, ngài dùng tích trượng gõ xuống đất thì các cửa ngục được mở ra, cho nên trong kinh có dạy: Chấn khai địa ngục chi môn.

Những vị sau khi đã đắc giới, liền được thừa truyền tích trượng. Trong khi nhận lãnh, các vị giới tử thâm niệm kệ chú sau đây:

Thiện tai khiết la,
 Trí huệ công đức bản,
 Như pháp thọ trì giả,
 Siêu đăng niết bàn ngàn.
 Án, na lật thế, na lật thế, na lật tra, bát đễ, na lật
 đễ, na dạ bát nễ hồng phần tra (3 lần)

Nghĩa là:

Lành thay chiếc tích trượng,
 Gốc công đức, trí huệ,
 Thọ trì chư chánh pháp,



Sớm lên bờ niết bàn.

Án, na lật thế, na lật thế, na lật tra, bát đề, na lật đế, na dạ bát nễ hồng phần tra (3 lần)

Trên đây là kệ nhận tích trượng. Còn khi dùng đến thì câu chú y như vậy, nhưng câu kệ thì như sau:

Chấp trì tích trượng,
Đương nguyện chúng sanh,
Thiết đại thí hội,
Thị như thiết đạo.

Nghĩa là:

Cầm giữ tích trượng,
Xin nguyện chúng sanh,
Thiết đại hội thí,
Chỉ đạo như thật.

4/ MŨ TỖ LƯ:



Ngày rằm tháng 7, mở hội Vu Lan Bồn, Vị Tăng Thủ Tọa đứng làm Đức Phật Tỳ Lư, tụng kinh Thí Thực, trên đầu đội mũ có tượng Phật Tỳ Lư nên gọi là mũ Tỳ Lư.

Tỳ Lư là tên gọi tắt của Tỳ Lư Giá Na, tên chung của Pháp Thân Phật, tức là Đức